| ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 1243/NQ-UBTVQH15 | |

# NGHỊ QUYẾT
## Về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023 - 2025

## ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14, Luật số 47/2019/QH14, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 34/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/2024/UBTVQH15 ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định một số nội dung liên quan đến việc bảo đảm yêu cầu phân loại đô thị và tiêu chuẩn của đơn vị hành chính để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025;*

*Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 535/TTr-CP ngày 27 tháng 9 năm 2024 và Báo cáo số 699/BC-CP ngày 23 tháng 10 năm 2024, Tòa án nhân dân tối cao tại Tờ trình số 935/TTr-TANDTC ngày 11 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Tờ trình số 23/TTr-VKSTC ngày 14 tháng 10 năm 2024, Báo cáo tham gia thẩm tra số 4326/BC-UBTP15 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Tư pháp và Báo cáo thẩm tra số 3380/BC-UBPL15 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Pháp luật,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sắp xếp thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, huyện Nghi Lộc và các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc**

1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 29,09 $km^2$, quy mô dân số là 77.813 người của thị xã Cửa Lò và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,17 $km^2$, quy mô dân số là 11.884 người của xã Nghi Xuân, toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,12 $km^2$, quy mô dân số là 10.409 người của xã Phúc Thọ, toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,50 $km^2$, quy mô dân số là 11.006 người của xã Nghi Thái và toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,35 $km^2$, quy mô dân số là 11.831 người của xã Nghi Phong thuộc huyện Nghi Lộc vào thành phố Vinh.

Sau khi sắp xếp, thành phố Vinh có diện tích tự nhiên là 166,22 $km^2$ và quy mô dân số là 580.669 người; huyện Nghi Lộc có diện tích tự nhiên là 313,88 $km^2$ và quy mô dân số là 209.326 người.

2. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Vinh như sau:

a) Thành lập phường Hưng Đông trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,42 $km^2$ và quy mô dân số là 17.784 người của xã Hưng Đông.

Phường Hưng Đông giáp phường Quán Bàu, phường Đông Vĩnh, xã Nghi Kim và huyện Hưng Nguyên;

b) Thành lập phường Hưng Lộc trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,72 $km^2$ và quy mô dân số là 26.321 người của xã Hưng Lộc.

Phường Hưng Lộc giáp các phường Hà Huy Tập, Hưng Dũng, Nghi Đức, Nghi Phú và các xã Hưng Hòa, Nghi Phong, Nghi Thái;

c) Thành lập phường Nghi Phú trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,47 $km^2$ và quy mô dân số là 25.032 người của xã Nghi Phú.

Phường Nghi Phú giáp các phường Hà Huy Tập, Hưng Lộc, Nghi Đức, Quán Bàu và các xã Nghi Ân, Nghi Kim, Nghi Liên;

d) Thành lập phường Nghi Đức trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,69 $km^2$ và quy mô dân số là 9.365 người của xã Nghi Đức.

Phường Nghi Đức giáp phường Hưng Lộc, phường Nghi Phú, xã Nghi Ân và xã Nghi Phong;

đ) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,50 $km^2$, quy mô dân số là 8.692 người của phường Hồng Sơn vào phường Vinh Tân. Sau khi nhập, phường Vinh Tân có diện tích tự nhiên là 5,54 $km^2$ và quy mô dân số là 32.157 người.

Phường Vinh Tân giáp các phường Cửa Nam, Quang Trung, Trung Đô, xã Hưng Chính và huyện Hưng Nguyên;

e) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,67 $km^2$, quy mô dân số là 12.618 người của phường Đội Cung và toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,87 $km^2$, quy mô dân số là 13.713 người của phường Lê Mao vào phường Quang Trung. Sau khi nhập, phường Quang Trung có diện tích tự nhiên là 2,12 $km^2$ và quy mô dân số là 38.511 người.

Phường Quang Trung giáp các phường Cửa Nam, Đông Vĩnh, Hưng Bình, Lê Lợi, Trường Thi và Vinh Tân.

3. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Nghi Lộc như sau:

a) Thành lập xã Diên Hoa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,98 $km^2$, quy mô dân số là 7.038 người của xã Nghi Hoa và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,86 $km^2$, quy mô dân số là 9.785 người của xã Nghi Diên. Sau khi thành lập, xã Diên Hoa có diện tích tự nhiên là 11,84 $km^2$ và quy mô dân số là 16.823 người.

Xã Diên Hoa giáp các xã Nghi Long, Nghi Phương, Nghi Thuận, Nghi Trung, Nghi Vạn, thị trấn Quán Hành và huyện Hưng Nguyên;

b) Thành lập xã Thịnh Trường trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,60 $km^2$, quy mô dân số là 6.040 người của xã Nghi Thịnh và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,72 $km^2$, quy mô dân số là 6.687 người của xã Nghi Trường. Sau khi thành lập, xã Thịnh Trường có diện tích tự nhiên là 14,32 $km^2$ và quy mô dân số là 12.727 người.

Xã Thịnh Trường giáp các xã Khánh Hợp, Nghi Long, Nghi Thạch, Nghi Trung, Nghi Xá và thành phố Vinh.

4. Sau khi sắp xếp:

a) Thành phố Vinh có 33 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 24 phường: Bến Thủy, Cửa Nam, Đông Vĩnh, Hà Huy Tập, Hưng Bình, Hưng Dũng, Hưng Đông, Hưng Lộc, Hưng Phúc, Lê Lợi, Nghi Đức, Nghi Hải, Nghi Hòa, Nghi Hương, Nghi Phú, Nghi Thu, Nghi Thủy, Nghi Tân, Quán Bàu, Quang Trung, Thu Thủy, Trung Đô, Trường Thi, Vinh Tân và 09 xã: Hưng Chính, Hưng Hòa, Nghi Ân, Nghi Kim, Nghi Liên, Nghi Thái, Nghi Phong, Nghi Xuân, Phúc Thọ.

Thành phố Vinh giáp huyện Hưng Nguyên, huyện Nghi Lộc; tỉnh Hà Tĩnh và Biển Đông;

b) Huyện Nghi Lộc có 23 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 22 xã: Diên Hoa, Khánh Hợp, Nghi Công Bắc, Nghi Công Nam, Nghi Đồng, Nghi Hưng, Nghi Kiều, Nghi Lâm, Nghi Long, Nghi Mỹ, Nghi Phương, Nghi Quang, Nghi Thạch, Nghi Thiết, Nghi Thuận, Nghi Tiến, Nghi Trung, Nghi Vạn, Nghi Văn, Nghi Xá, Nghi Yên, Thịnh Trường và thị trấn Quán Hành.

Huyện Nghi Lộc giáp các huyện Diễn Châu, Đô Lương, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Yên Thành, thành phố Vinh và Biển Đông.

**Điều 2. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An**

1. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Đô Lương như sau:

a) Thành lập xã Bạch Ngọc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,13 $km^2$, quy mô dân số là 3.559 người của xã Ngọc Sơn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 19,04 $km^2$, quy mô dân số là 6.786 người của xã Lam Sơn. Sau khi thành lập, xã Bạch Ngọc có diện tích tự nhiên là 23,17 $km^2$ và quy mô dân số là 10.345 người.

Xã Bạch Ngọc giáp các xã Bắc Sơn, Bồi Sơn, Giang Sơn Tây, Nam Sơn và huyện Anh Sơn;

b) Sau khi sắp xếp, huyện Đô Lương có 32 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 31 xã và 01 thị trấn.

2. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Tân Kỳ như sau:

a) Thành lập xã Bình Hợp trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 13,79 $km^2$, quy mô dân số là 2.897 người của xã Nghĩa Hợp và toàn bộ diện tích tự nhiên là 41,72 $km^2$, quy mô dân số là 7.044 người của xã Nghĩa Bình. Sau khi thành lập, xã Bình Hợp có diện tích tự nhiên là 55,51 $km^2$ và quy mô dân số là 9.941 người.

Xã Bình Hợp giáp các xã Nghĩa Dũng, Nghĩa Đồng, Nghĩa Thái và các huyện Nghĩa Đàn, Quỳnh Lưu, Yên Thành;

b) Thành lập xã Hoàn Long trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 27,64 $km^2$, quy mô dân số là 2.666 người của xã Tân Long và toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,30 $km^2$, quy mô dân số là 7.796 người của xã Nghĩa Hoàn. Sau khi thành lập, xã Hoàn Long có diện tích tự nhiên là 38,94 $km^2$ và quy mô dân số là 10.462 người.

Xã Hoàn Long giáp các xã Giai Xuân, Kỳ Sơn, Kỳ Tân, Nghĩa Dũng, Nghĩa Phúc, Nghĩa Thái và Tân Phú;

c) Sau khi sắp xếp, huyện Tân Kỳ có 20 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 19 xã và 01 thị trấn.

3. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Nghĩa Đàn như sau:

a) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 14,16 $km^2$, quy mô dân số là 2.824 người của xã Nghĩa Phú vào xã Nghĩa Thọ. Sau khi nhập, xã Nghĩa Thọ có diện tích tự nhiên là 37,24 $km^2$ và quy mô dân số là 6.377 người.

Xã Nghĩa Thọ giáp xã Nghĩa Hội và xã Nghĩa Lợi; huyện Quỳnh Lưu và tỉnh Thanh Hóa;

b) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 17,17 $km^2$, quy mô dân số là 3.324 người của xã Nghĩa Hiếu và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,84 $km^2$, quy mô dân số là 4.758 người của xã Nghĩa Thịnh vào xã Nghĩa Hưng. Sau khi nhập, xã Nghĩa Hưng có diện tích tự nhiên là 43,34 $km^2$ và quy mô dân số là 15.044 người.

Xã Nghĩa Hưng giáp các xã Nghĩa Đức, Nghĩa Hồng, Nghĩa Mai, Nghĩa Thành; huyện Quỳ Hợp và thị xã Thái Hòa;

c) Sau khi sắp xếp, huyện Nghĩa Đàn có 20 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 19 xã và 01 thị trấn.

4. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Quỳnh Lưu như sau:

a) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,68 $km^2$, quy mô dân số là 10.047 người của xã Quỳnh Hồng, điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên là 0,14 $km^2$ của xã Quỳnh Hưng và một phần diện tích tự nhiên là 0,18 $km^2$, quy mô dân số là 184 người của xã Quỳnh Bá để nhập vào thị trấn Cầu Giát. Sau khi sắp xếp, thị trấn Cầu Giát có diện tích tự nhiên là 7,89 $km^2$ và quy mô dân số là 21.886 người.

Thị trấn Cầu Giát giáp các xã Bình Sơn, Quỳnh Diễn, Quỳnh Giang, Quỳnh Hậu, Quỳnh Lâm và Quỳnh Sơn;

b) Thành lập xã Thuận Long trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,35 $km^2$, quy mô dân số là 10.924 người của xã Quỳnh Long và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,77 $km^2$, quy mô dân số là 6.431 người của xã Quỳnh Thuận. Sau khi thành lập, xã Thuận Long có diện tích tự nhiên là 8,12 $km^2$ và quy mô dân số là 17.355 người.

Xã Thuận Long giáp các xã An Hòa, Phú Nghĩa, Văn Hải và Biển Đông;

c) Thành lập xã Văn Hải trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 2,33 $km^2$, quy mô dân số là 14.909 người của xã Sơn Hải và toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,76 $km^2$, quy mô dân số là 6.276 người của xã Quỳnh Thọ. Sau khi thành lập, xã Văn Hải có diện tích tự nhiên là 7,09 $km^2$ và quy mô dân số là 21.185 người.

Xã Văn Hải giáp các xã An Hòa, Bình Sơn, Quỳnh Diễn, Thuận Long; huyện Diễn Châu và Biển Đông;

d) Thành lập xã Phú Nghĩa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,67 $km^2$, quy mô dân số là 10.762 người của xã Tiến Thủy và toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,21 $km^2$, quy mô dân số là 9.546 người của xã Quỳnh Nghĩa. Sau khi thành lập, xã Phú Nghĩa có diện tích tự nhiên là 10,88 $km^2$ và quy mô dân số là 20.308 người.

Xã Phú Nghĩa giáp các xã An Hòa, Minh Lương, Quỳnh Yên, Thuận Long và Biển Đông;

đ) Thành lập xã Quỳnh Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,24 $km^2$, quy mô dân số là 5.857 người của xã Quỳnh Hoa và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,86 $km^2$, quy mô dân số là 5.130 người của xã Quỳnh Mỹ. Sau khi thành lập, xã Quỳnh Sơn có diện tích tự nhiên là 16,10 $km^2$ và quy mô dân số là 10.987 người.

Xã Quỳnh Sơn giáp các xã Ngọc Sơn, Quỳnh Hậu, Quỳnh Lâm, Quỳnh Tân, Quỳnh Thạch, Quỳnh Văn và thị trấn Cầu Giát;

e) Thành lập xã Minh Lương trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,06 $km^2$, quy mô dân số là 5.741 người của xã Quỳnh Minh và toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,78 $km^2$, quy mô dân số là 7.968 người của xã Quỳnh Lương. Sau khi thành lập, xã Minh Lương có diện tích tự nhiên là 8,84 $km^2$ và quy mô dân số là 13.709 người.

Xã Minh Lương giáp các xã Phú Nghĩa, Quỳnh Bảng, Quỳnh Đôi, Quỳnh Thanh, Quỳnh Yên và Biển Đông;

g) Thành lập xã Bình Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,60 $km^2$, quy mô dân số là 10.958 người của xã Quỳnh Hưng, toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,99 $km^2$, quy mô dân số là 5.781 người của xã Quỳnh Bá sau khi điều chỉnh theo quy định tại điểm a khoản này và toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,40 $km^2$, quy mô dân số là 6.414 người của xã Quỳnh Ngọc. Sau khi thành lập, xã Bình Sơn có diện tích tự nhiên là 12,99 $km^2$ và quy mô dân số là 23.153 người.

Xã Bình Sơn giáp các xã An Hòa, Quỳnh Diễn, Quỳnh Đôi, Quỳnh Hậu, Quỳnh Yên, Văn Hải và thị trấn Cầu Giát;

h) Sau khi sắp xếp, huyện Quỳnh Lưu có 25 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 24 xã và 01 thị trấn.

5. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Con Cuông như sau:

a) Thành lập thị trấn Trà Lân trên cơ sở nhập một phần diện tích tự nhiên là 4,37 $km^2$, quy mô dân số là 930 người của xã Chi Khê, toàn bộ diện tích tự nhiên là 27,56 $km^2$, quy mô dân số là 6.790 người của xã Bồng Khê và toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,87 $km^2$, quy mô dân số là 5.984 người của thị trấn Con Cuông. Sau khi thành lập, thị trấn Trà Lân có diện tích tự nhiên là 33,80 $km^2$ và quy mô dân số là 13.704 người.

Thị trấn Trà Lân giáp các xã Chi Khê, Đôn Phục, Mậu Đức, Yên Khê và huyện Anh Sơn;

b) Sau khi điều chỉnh theo điểm a khoản này, xã Chi Khê có diện tích tự nhiên là 69,21 $km^2$ và quy mô dân số là 6.050 người.

Xã Chi Khê giáp các xã Châu Khê, Đôn Phục, Yên Khê và thị trấn Trà Lân;

c) Sau khi sắp xếp, huyện Con Cuông có 12 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 11 xã và 01 thị trấn.

6. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Thanh Chương như sau:

a) Thành lập thị trấn Dùng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,77 $km^2$, quy mô dân số là 6.919 người của xã Thanh Lĩnh, toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,54 $km^2$, quy mô dân số là 5.379 người của xã Thanh Đồng và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,54 $km^2$, quy mô dân số là 11.374 người của thị trấn Thanh Chương. Sau khi thành lập, thị trấn Dùng có diện tích tự nhiên là 19,85 $km^2$ và quy mô dân số là 23.672 người.

Thị trấn Dùng giáp các xã Đại Đồng, Đồng Văn, Thanh Hương, Thanh Ngọc, Thanh Phong, Thanh Thịnh và Thanh Tiên;

b) Thành lập xã Minh Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,23 $km^2$, quy mô dân số là 2.985 người của xã Thanh Hòa và toàn bộ diện tích tự nhiên là 20,27 $km^2$, quy mô dân số là 4.845 người của xã Thanh Nho. Sau khi thành lập, xã Minh Sơn có diện tích tự nhiên là 30,50 $km^2$ và quy mô dân số là 7.830 người.

Xã Minh Sơn giáp các xã Cát Văn, Hạnh Lâm, Phong Thịnh, Thanh Đức, Thanh Liên, Thanh Mỹ và huyện Anh Sơn;

c) Thành lập xã Thanh Quả trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,69 $km^2$, quy mô dân số là 5.070 người của xã Thanh Chi và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,77 $km^2$, quy mô dân số là 6.317 người của xã Thanh Khê. Sau khi thành lập, xã Thanh Quả có diện tích tự nhiên là 17,46 $km^2$ và quy mô dân số là 11.387 người.

Xã Thanh Quả giáp các xã Đồng Văn, Kim Bảng, Ngọc Sơn, Thanh An, Thanh Ngọc và Thanh Thủy;

d) Thành lập xã Kim Bảng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,41 $km^2$, quy mô dân số là 4.873 người của xã Thanh Long và toàn bộ diện tích tự nhiên là 16,33 $km^2$, quy mô dân số là 10.595 người của xã Võ Liệt. Sau khi thành lập, xã Kim Bảng có diện tích tự nhiên là 23,74 $km^2$ và quy mô dân số là 15.468 người.

Xã Kim Bảng giáp các xã Ngọc Sơn, Thanh Hà, Thanh Thủy, Thanh Quả và Xuân Dương;

đ) Thành lập xã Xuân Dương trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,17 $km^2$, quy mô dân số là 5.655 người của xã Xuân Tường và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,63 $km^2$, quy mô dân số là 6.956 người của xã Thanh Dương. Sau khi thành lập, xã Xuân Dương có diện tích tự nhiên là 17,80 $km^2$ và quy mô dân số là 12.611 người.

Xã Xuân Dương giáp các xã Kim Bảng, Minh Tiến, Ngọc Sơn, Thanh Hà và huyện Nam Đàn;

e) Thành lập xã Minh Tiến trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,90 $km^2$, quy mô dân số là 7.844 người của xã Thanh Lương, toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,47 $km^2$, quy mô dân số là 6.724 người của xã Thanh Yên và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,00 $km^2$, quy mô dân số là 4.954 người của xã Thanh Khai. Sau khi thành lập, xã Minh Tiến có diện tích tự nhiên là 20,37 $km^2$ và quy mô dân số là 19.522 người.

Xã Minh Tiến giáp các xã Mai Giang, Thanh Lâm, Xuân Dương và huyện Nam Đàn;

g) Thành lập xã Mai Giang trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,32 $km^2$, quy mô dân số là 4.556 người của xã Thanh Giang và toàn bộ diện tích tự nhiên là 44,78 $km^2$, quy mô dân số là 7.270 người của xã Thanh Mai. Sau khi thành lập, xã Mai Giang có diện tích tự nhiên là 50,10 $km^2$ và quy mô dân số là 11.826 người.

Xã Mai Giang giáp các xã Minh Tiến, Thanh Hà, Thanh Lâm, Thanh Tùng, Thanh Xuân và tỉnh Hà Tĩnh;

h) Sau khi sắp xếp, huyện Thanh Chương có 29 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 28 xã và 01 thị trấn.

7. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Diễn Châu như sau:

a) Thành lập thị trấn Diễn Thành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,50 $km^2$, quy mô dân số là 14.137 người của xã Diễn Thành và toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,82 $km^2$, quy mô dân số là 7.468 người của thị trấn Diễn Châu. Sau khi thành lập, thị trấn Diễn Thành có diện tích tự nhiên là 7,32 $km^2$ và quy mô dân số là 21.605 người.

Thị trấn Diễn Thành giáp các xã Diễn Hoa, Diễn Kim, Diễn Phúc, Diễn Thịnh, Ngọc Bích và Biển Đông;

b) Thành lập xã Xuân Tháp trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,94 $km^2$, quy mô dân số là 7.117 người của xã Diễn Xuân và toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,71 $km^2$, quy mô dân số là 7.188 người của xã Diễn Tháp. Sau khi thành lập, xã Xuân Tháp có diện tích tự nhiên là 7,65 $km^2$ và quy mô dân số là 14.305 người.

Xã Xuân Tháp giáp các xã Diễn Đồng, Diễn Hồng, Diễn Kỷ, Diễn Liên, Hạnh Quảng và huyện Yên Thành;

c) Thành lập xã Ngọc Bích trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 2,93 $km^2$, quy mô dân số là 16.707 người của xã Diễn Ngọc và toàn bộ diện tích tự nhiên là 2,72 $km^2$, quy mô dân số là 12.534 người của xã Diễn Bích. Sau khi thành lập, xã Ngọc Bích có diện tích tự nhiên là 5,65 $km^2$ và quy mô dân số là 29.241 người.

Xã Ngọc Bích giáp các xã Diễn Hoa, Diễn Kim, Diễn Kỷ, Diễn Vạn và thị trấn Diễn Thành;

d) Thành lập xã Hùng Hải trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,34 $km^2$, quy mô dân số là 5.879 người của xã Diễn Hùng và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,21 $km^2$, quy mô dân số là 9.768 người của xã Diễn Hải. Sau khi thành lập, xã Hùng Hải có diện tích tự nhiên là 10,55 $km^2$ và quy mô dân số là 15.647 người.

Xã Hùng Hải giáp các xã Diễn Hoàng, Diễn Kim, Diễn Mỹ, Diễn Phong, Diễn Vạn; huyện Quỳnh Lưu và Biển Đông;

đ) Thành lập xã Hạnh Quảng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,72 $km^2$, quy mô dân số là 9.380 người của xã Diễn Hạnh và toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,58 $km^2$, quy mô dân số là 5.561 người của xã Diễn Quảng. Sau khi thành lập, xã Hạnh Quảng có diện tích tự nhiên là 9,30 $km^2$ và quy mô dân số là 14.941 người.

Xã Hạnh Quảng giáp các xã Diễn Cát, Diễn Đồng, Diễn Hoa, Diễn Kỷ, Diễn Nguyên, Diễn Phúc, Minh Châu và Xuân Tháp;

e) Sau khi sắp xếp, huyện Diễn Châu có 32 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 31 xã và 01 thị trấn.

8. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Hưng Nguyên như sau:

a) Thành lập xã Thịnh Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,18 $km^2$, quy mô dân số là 5.141 người của xã Hưng Mỹ và toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,41 $km^2$, quy mô dân số là 5.825 người của xã Hưng Thịnh. Sau khi thành lập, xã Thịnh Mỹ có diện tích tự nhiên là 9,59 $km^2$ và quy mô dân số là 10.966 người.

Xã Thịnh Mỹ giáp các xã Hưng Nghĩa, Phúc Lợi, Thông Tân, thị trấn Hưng Nguyên và thành phố Vinh;

b) Thành lập xã Thông Tân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,53 $km^2$, quy mô dân số là 5.660 người của xã Hưng Thông và toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,86 $km^2$, quy mô dân số là 4.408 người của xã Hưng Tân. Sau khi thành lập, xã Thông Tân có diện tích tự nhiên là 10,39 $km^2$ và quy mô dân số là 10.068 người.

Xã Thông Tân giáp các xã Hưng Đạo, Hưng Nghĩa, Long Xá, Thịnh Mỹ, Xuân Lam, thị trấn Hưng Nguyên và huyện Nam Đàn;

c) Thành lập xã Phúc Lợi trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,01 $km^2$, quy mô dân số là 4.831 người của xã Hưng Phúc và toàn bộ diện tích tự nhiên là

7,68 km$^2$, quy mô dân số là 4.757 người của xã Hưng Lợi. Sau khi thành lập, xã Phúc Lợi có diện tích tự nhiên là 12,69 km$^2$ và quy mô dân số là 9.588 người.

Xã Phúc Lợi giáp các xã Châu Nhân, Hưng Nghĩa, Thịnh Mỹ và thành phố Vinh;

d) Sau khi sắp xếp, huyện Hưng Nguyên có 15 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 14 xã và 01 thị trấn.

9. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Nam Đàn như sau:

a) Thành lập xã Nghĩa Thái trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 12,24 km$^2$, quy mô dân số là 5.306 người của xã Nam Nghĩa và toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,66 km$^2$, quy mô dân số là 4.468 người của xã Nam Thái. Sau khi thành lập, xã Nghĩa Thái có diện tích tự nhiên là 23,90 km$^2$ và quy mô dân số là 9.774 người.

Xã Nghĩa Thái giáp xã Nam Thanh, xã Nam Hưng, thị trấn Nam Đàn; huyện Đô Lương và huyện Thanh Chương;

b) Thành lập xã Xuân Hồng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,40 km$^2$, quy mô dân số là 5.418 người của xã Hồng Long và toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,35 km$^2$, quy mô dân số là 9.057 người của xã Xuân Lâm. Sau khi thành lập, xã Xuân Hồng có diện tích tự nhiên là 16,75 km$^2$ và quy mô dân số là 14.475 người.

Xã Xuân Hồng giáp các xã Hùng Tiến, Khánh Sơn, Kim Liên, Thượng Tân Lộc và huyện Hưng Nguyên;

c) Sau khi sắp xếp, huyện Nam Đàn có 17 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 16 xã và 01 thị trấn.

10. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Yên Thành như sau:

a) Thành lập thị trấn Hoa Thành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,48 km$^2$, quy mô dân số là 5.726 người của xã Hoa Thành và toàn bộ diện tích tự nhiên là 2,61 km$^2$, quy mô dân số là 5.774 người của thị trấn Yên Thành. Sau khi thành lập, thị trấn Hoa Thành có diện tích tự nhiên là 6,09 km$^2$ và quy mô dân số là 11.500 người.

Thị trấn Hoa Thành giáp các xã Đông Thành, Tăng Thành và Văn Thành;

b) Thành lập xã Vân Tụ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,49 km$^2$, quy mô dân số là 7.613 người của xã Khánh Thành và toàn bộ diện tích tự nhiên là

12,48 km$^2$, quy mô dân số là 13.143 người của xã Công Thành. Sau khi thành lập, xã Vân Tụ có diện tích tự nhiên là 17,97 km$^2$ và quy mô dân số là 20.756 người.

Xã Vân Tụ giáp các xã Bảo Thành, Liên Thành, Long Thành, Nam Thành, Mỹ Thành và huyện Đô Lương;

c) Thành lập xã Đông Thành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,57 km$^2$, quy mô dân số là 8.156 người của xã Hợp Thành và toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,43 km$^2$, quy mô dân số là 9.844 người của xã Nhân Thành. Sau khi thành lập, xã Đông Thành có diện tích tự nhiên là 14,00 km$^2$ và quy mô dân số là 18.000 người.

Xã Đông Thành giáp các xã Long Thành, Phú Thành, Tăng Thành, Văn Thành, Vĩnh Thành, thị trấn Hoa Thành và huyện Diễn Châu;

d) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,22 km$^2$, quy mô dân số là 3.627 người của xã Đại Thành vào xã Minh Thành. Sau khi nhập, xã Minh Thành có diện tích tự nhiên là 32,79 km$^2$ và quy mô dân số là 9.961 người.

Xã Minh Thành giáp các xã Đồng Thành, Liên Thành, Mỹ Thành, Thịnh Thành, Trung Thành và huyện Đô Lương;

đ) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,69 km$^2$, quy mô dân số là 4.159 người của xã Lý Thành vào xã Liên Thành. Sau khi nhập, xã Liên Thành có diện tích tự nhiên là 15,45 km$^2$ và quy mô dân số là 12.239 người.

Xã Liên Thành giáp các xã Minh Thành, Mỹ Thành, Nam Thành, Trung Thành và Vân Tụ;

e) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,05 km$^2$, quy mô dân số là 7.846 người của xã Hồng Thành vào xã Phú Thành. Sau khi nhập, xã Phú Thành có diện tích tự nhiên là 11,69 km$^2$ và quy mô dân số là 16.224 người.

Xã Phú Thành giáp các xã Đông Thành, Hậu Thành, Lăng Thành, Mã Thành, Phúc Thành, Thọ Thành, Văn Thành và huyện Diễn Châu;

g) Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 15,75 km$^2$ và quy mô dân số là 6.968 người của xã Hùng Thành vào xã Hậu Thành. Sau khi nhập, xã Hậu Thành có diện tích tự nhiên là 23,49 km$^2$ và quy mô dân số là 13.200 người.

Xã Hậu Thành giáp các xã Kim Thành, Lăng Thành, Phú Thành và Phúc Thành;

h) Sau khi sắp xếp, huyện Yên Thành có 32 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 31 xã và 01 thị trấn.

11. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Anh Sơn như sau:

a) Thành lập thị trấn Kim Nhan trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,30 $km^2$, quy mô dân số là 3.660 người của xã Thạch Sơn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 2,62 $km^2$, quy mô dân số là 6.248 người của thị trấn Anh Sơn. Sau khi thành lập, thị trấn Kim Nhan có diện tích tự nhiên là 7,92 $km^2$ và quy mô dân số là 9.908 người.

Thị trấn Kim Nhan giáp các xã Đức Sơn, Hội Sơn, Phúc Sơn và Vĩnh Sơn;

b) Thành lập xã Tam Đỉnh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 13,80 $km^2$, quy mô dân số là 2.750 người của xã Tam Sơn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 23,04 $km^2$, quy mô dân số là 8.208 người của xã Đỉnh Sơn. Sau khi thành lập, xã Tam Đỉnh có diện tích tự nhiên là 36,84 $km^2$ và quy mô dân số là 10.958 người.

Xã Tam Đỉnh giáp xã Cẩm Sơn, xã Thành Sơn và huyện Con Cuông;

c) Sau khi sắp xếp, huyện Anh Sơn có 19 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 18 xã và 01 thị trấn.

**Điều 3. Giải thể Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An**

1. Giải thể Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

2. Giải thể Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

3. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, tỉnh Nghệ An có 20 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 17 huyện, 02 thị xã và 01 thành phố; 412 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 362 xã, 33 phường và 17 thị trấn.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này; sắp xếp, kiện toàn bộ máy các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương, bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh trên địa bàn.

2. Chính phủ chỉ đạo các Bộ có liên quan và chính quyền tỉnh Nghệ An tiếp tục rà soát, thống kê cụ thể số lượng các đơn vị hành chính thuộc diện phải sắp xếp mà chưa thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025, xây dựng phương án và lộ trình hoàn thiện các tiêu chuẩn, điều kiện cần thiết để bảo đảm thực hiện sắp xếp trong những năm tiếp theo theo đúng quy định.

3. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết thuộc trách nhiệm quản lý; sắp xếp, bố trí công chức, người lao động, xử lý trụ sở, tài sản công tại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân bị giải thể; sắp xếp tổ chức bộ máy, quyết định biên chế, số lượng Thẩm phán, Kiểm sát viên, công chức khác, người lao động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh và các nội dung khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này./.

---

*Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua tại phiên họp ngày 24 tháng 10 năm 2024.*

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**
**CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Mẫn**